

Số /QĐ-ĐS Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động mạng lưới An toàn vệ sinh viên trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-ĐS ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quy định phân cấp quản lý trong lĩnh vực tổ chức, lao động, tiền lương;

Sau khi trao đổi và thống nhất với Công đoàn Đường sắt Việt Nam;

Theo đề nghị của ông Trưởng ban Tổ chức Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế hoạt động mạng lưới An toàn vệ sinh viên trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1827/QĐ-ĐS ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Giám đốc các đơn vị, Chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV TCT ĐSVN (để b/c);
- Kiểm soát viên TCT ĐSVN (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc TCT ĐSVN;
- Công đoàn ĐSVN;
- Lưu: VT, TCCB.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Sỹ Mạnh

QUY CHẾ

Hoạt động mạng lưới An toàn vệ sinh viên trong Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐS ngày 19 tháng 5 năm 2022 của
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung huấn luyện, chế độ sinh hoạt, kiểm tra và quyền lợi của An toàn vệ sinh viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng đối với các đơn vị, chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, bao gồm: Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt; Trường Cao đẳng đường sắt; Trung tâm Y tế đường sắt; Chi nhánh ga Đồn Đăng và các Chi nhánh khai thác đường sắt; các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy; các Ban Quản lý dự án đường sắt khu vực 1, 2 và 3.

2. Người đại diện vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại các Công ty cổ phần có thể căn cứ vào quy chế này để áp dụng hoặc biên soạn quy chế riêng cho đơn vị, nhưng không được trái với các quy định pháp luật hiện hành và nội dung quy định trong quy chế này.

Điều 3. Mục đích yêu cầu

1. Tạo điều kiện để người lao động được biết, được tham gia ý kiến, giám sát những vấn đề có liên quan đến công tác An toàn vệ sinh viên; quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của An toàn vệ sinh viên.

2. Nâng cao trách nhiệm của mạng lưới An toàn vệ sinh viên đối với công tác An toàn, vệ sinh lao động.

3. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định góp phần ngăn ngừa và hạn chế tối đa rủi ro, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Mạng lưới An toàn vệ sinh viên là hình thức hoạt động về công tác An toàn, vệ sinh lao động của người lao động. Nội dung hoạt động phù hợp với luật pháp, bảo đảm quyền của người lao động và lợi ích của người sử dụng lao động.

2. Mạng lưới An toàn vệ sinh viên được người sử dụng lao động quyết định thành lập, có sự thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.

3. Ban chấp hành Công đoàn cơ sở có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với người sử dụng lao động để quản lý, hướng dẫn và duy trì hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên tại đơn vị.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA AN TOÀN VỆ SINH VIÊN

Điều 5. Tổ chức mạng lưới An toàn vệ sinh viên

Quy định tổ chức mạng lưới An toàn vệ sinh viên như sau:

1. Tại các Chi nhánh Khai thác đường sắt

- Ga cấp 1: bố trí không quá 03 An toàn vệ sinh viên;
- Ga cấp 2: bố trí không quá 02 An toàn vệ sinh viên;
- Ga cấp 3, 4: bố trí 01 An toàn vệ sinh viên.

2. Tại các Chi nhánh Xí nghiệp đầu máy

- Trạm đầu máy: bố trí 01 An toàn vệ sinh viên. Riêng trạm đầu máy Giáp Bát, Sóng Thần bố trí không quá 02 An toàn vệ sinh viên;
- Tổ sản xuất tại các phân xưởng: bố trí 01 An toàn vệ sinh viên
- Đội lái máy:

- Có dưới 20 người: bố trí 01 An toàn vệ sinh viên;
- Trên 20 người: bố trí không quá 02 An toàn vệ sinh viên.”

3. Tại các đơn vị khác trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

- Tại Trung tâm Điều hành Vận tải đường sắt: Các Phòng Điều hành vận tải đường sắt khu vực

- Có dưới 25 người: bố trí 01 An toàn vệ sinh viên;
- Trên 25 người: bố trí không quá 02 An toàn vệ sinh viên.”

- Tại các đơn vị còn lại: Mỗi tổ sản xuất bố trí 01 An toàn vệ sinh viên (nếu có) kiêm nhiệm trong thời gian làm việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn của An toàn vệ sinh viên

1. Không phải là tổ trưởng sản xuất (hoặc nhóm trưởng); khuyến khích các tổ bầu tổ phó sản xuất, tổ trưởng Công đoàn hoặc tổ phó Công đoàn kiêm nhiệm chức danh này để tăng hiệu quả hoạt động.

2. Là người lao động trực tiếp, am hiểu về nghiệp vụ chuyên môn và kỹ thuật An toàn, vệ sinh lao động.

3. Nhiệt tình, gương mẫu trong việc chấp hành các quy định về An toàn, vệ sinh lao động.

4. Được người lao động trong tổ (nhóm) sản xuất bầu ra.

Điều 7. Phương pháp hoạt động của An toàn vệ sinh viên

1. Phải kiên quyết khi cần thiết nếu người lao động vi phạm quy trình, quy phạm An toàn, vệ sinh lao động.
2. Tạo mối liên kết và mối quan hệ chặt chẽ với cán bộ An toàn, vệ sinh lao động.
3. Tạo mối quan hệ tốt với người lao động, bám sát hiện trường nơi làm việc.
4. Thực hiện thường xuyên và liên tục nhiệm vụ được giao.
5. Lắng nghe ý kiến, kiến nghị của mọi người về công tác An toàn, vệ sinh lao động.
6. Mạnh dạn, cương quyết đấu tranh với những hành vi vi phạm các quy định về An toàn, vệ sinh lao động.
7. Phát hiện nhanh chóng, kịp thời những hiện tượng mất an toàn trong sản xuất để kiến nghị với người quản lý.

Điều 8. Nội dung công tác của An toàn vệ sinh viên

1. Kiểm tra trang thiết bị an toàn, dụng cụ sản xuất, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động và để đúng nơi quy định.
2. Kiểm tra sự sẵn sàng của hệ thống phòng cháy và chữa cháy.
3. Phối hợp với tổ trưởng sản xuất xây dựng các chuyên đề an toàn để phổ biến, học tập cho người lao động.
4. Lập kế hoạch công tác hàng tháng, sắp xếp thời gian và định hướng hoạt động theo kế hoạch của mạng lưới An toàn vệ sinh viên.
5. Lập kế hoạch học tập, bồi dưỡng cho người lao động trong tổ sản xuất về pháp luật An toàn, vệ sinh lao động; kỹ thuật An toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; công tác XANH - SẠCH - ĐẸP; các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong sản xuất và cách phòng tránh, cách sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn.
6. Lưu trữ hồ sơ có liên quan đến công tác An toàn, vệ sinh lao động.
7. Lập báo cáo kết quả công tác mỗi tháng, mỗi quý và kế hoạch công tác tháng sau/quý sau bao gồm tình hình thực hiện công tác trong tháng/quý, những việc làm được/chưa làm được, đề xuất/kiến nghị, rút kinh nghiệm, tìm biện pháp khắc phục những tồn tại thiếu sót trong công tác.
8. Tìm hiểu nguyên nhân các vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các kinh nghiệm đảm bảo an toàn, tìm hiểu các trang thiết bị mới để có biện pháp an toàn phù hợp hơn.

Điều 9. Quản lý hoạt động của An toàn vệ sinh viên

1. An toàn vệ sinh viên do tổ trưởng sản xuất phối hợp với Công đoàn trực tiếp quản lý và chỉ đạo hoạt động tại tổ.
2. Mạng lưới An toàn vệ sinh viên ở cấp nào thì do thủ trưởng và Ban chấp hành Công đoàn đồng cấp quản lý và chỉ đạo.
3. Hằng năm, thủ trưởng đơn vị trực tiếp phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn đánh giá sự hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên để kịp thời đề xuất

thay thế các An toàn vệ sinh viên không hoàn thành nhiệm vụ và khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA AN TOÀN VỆ SINH VIÊN

Điều 10. Nhiệm vụ của An toàn vệ sinh viên

1. Tuyên truyền, phổ biến cho người lao động trong tổ (nhóm) sản xuất nắm vững, nâng cao nhận thức về công tác An toàn, vệ sinh lao động và ý thức tự bảo vệ mình, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của các cấp về công tác An toàn, vệ sinh lao động.

2. Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ (nhóm) sản xuất chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về An toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng (nhóm trưởng) chấp hành các quy định về An toàn, vệ sinh lao động.

3. Giám sát việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy trình, nội quy An toàn, vệ sinh lao động; phát hiện những thiếu sót, vi phạm về An toàn, vệ sinh lao động của người lao động trong tổ (nhóm) sản xuất; phát hiện những trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động.

4. Tham gia xây dựng kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động, các biện pháp, phương án làm việc An toàn, vệ sinh lao động trong phạm vi tổ (nhóm) sản xuất; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ (nhóm) sản xuất.

5. Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, biện pháp bảo đảm An toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những hiện tượng thiếu an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động.

6. Báo cáo tổ chức Công đoàn hoặc Thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về An toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.

7. Hằng ngày, khi làm việc phải đeo băng chức danh “AN TOÀN VỆ SINH VIÊN” do đơn vị cấp.

Điều 11. Quyền hạn của An toàn vệ sinh viên

1. Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà người lao động tiến hành để đảm bảo An toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

2. Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của An toàn vệ sinh viên.

3. Yêu cầu người lao động trong tổ (nhóm) sản xuất tạm ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm An toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ

trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động.

4. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động do người sử dụng lao động và Công đoàn phối hợp tổ chức.

Điều 12. Hoạt động hàng ngày của An toàn vệ sinh viên

1. Trước giờ làm việc

a) Nhắc nhở công nhân lao động trong tổ (nhóm) sản xuất kiểm tra tình trạng an toàn máy, thiết bị, dụng cụ kỹ thuật, dụng cụ an toàn, hệ thống điện nơi mình làm việc, thực hiện quy trình, quy phạm an toàn khi làm việc.

b) Kiểm tra điều kiện môi trường nơi làm việc; tình trạng vệ sinh, mặt bằng nhà xưởng. Phát hiện tình trạng thiếu an toàn của máy, thiết bị, ghi chép vào sổ an toàn vệ sinh viên để kịp thời báo cáo với người quản lý, bộ phận sửa chữa.

c) Kiểm tra, nhắc nhở việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân của người lao động, kiểm tra các biện pháp và phương án làm việc an toàn đối với các công việc đặc biệt nguy hiểm hoặc với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

d) Kịp thời yêu cầu tổ trưởng sản xuất bố trí, phân công khắc phục tình trạng thiếu an toàn, vệ sinh tại nơi làm việc.

2. Trong lúc làm việc

a) Theo dõi, phát hiện những vi phạm quy trình, quy phạm của người lao động khi làm việc.

b) Nhắc nhở người lao động trong tổ thực hiện nghiêm túc quy trình, quy phạm, nội quy lao động.

c) Phát hiện kịp thời những hỏng hóc của máy, thiết bị, sự cố phát sinh gây nguy hiểm đối với người lao động, báo cáo người quản lý để xử lý.

3. Kết thúc công việc

a) Nhắc nhở người lao động trong tổ làm vệ sinh công nghiệp, thu dọn mặt bằng.

b) Kiểm tra lại toàn bộ tình trạng an toàn của các máy, thiết bị, vật tư, hệ thống điện trong tổ (nhóm) sản xuất trước khi ra về; ghi sổ theo dõi tình hình an toàn vệ sinh lao động.

c) Trao đổi với người quản lý về tình hình vệ sinh an toàn lao động trong ngày và biện pháp khắc phục.

Chương IV

NỘI DUNG VỀ HUẤN LUYỆN, SINH HOẠT, KIỂM TRA VÀ QUYỀN LỢI CỦA AN TOÀN VỆ SINH VIÊN

Điều 13. Chế độ huấn luyện

1. Định kỳ, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phối hợp với Công đoàn Đường sắt Việt Nam tổ chức bồi dưỡng và huấn luyện cho cán bộ phụ trách An toàn, vệ sinh lao động của chuyên môn và Công đoàn cơ sở trực thuộc các kiến thức về An toàn, vệ sinh lao động.

2. Thủ trưởng đơn vị phối hợp Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên cơ sở trực thuộc Công đoàn Đường sắt Việt Nam chủ trì, tổ chức bồi dưỡng và huấn luyện (1 lần/năm) cho mạng lưới An toàn vệ sinh viên, cán bộ Công đoàn bộ phận, tổ trưởng Công đoàn các kiến thức sau:

a) Mục đích, ý nghĩa và tính chất của công tác An toàn, vệ sinh lao động.

b) Các văn bản pháp luật quy định về công tác An toàn, vệ sinh lao động.

c) Nội quy lao động của doanh nghiệp.

d) Các quy định của Nhà nước, của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam cần phải chấp hành khi thực hiện công việc hoặc sử dụng các loại máy móc, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động; khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, cơ sở sản xuất.

e) Tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo An toàn, vệ sinh lao động.

g) Các chương trình, biện pháp phòng chống tai nạn lao động và sự cố trong hoạt động sản xuất.

h) Đặc điểm và quy trình làm việc bảo đảm an toàn, vệ sinh của máy móc, thiết bị, công nghệ và nơi làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động.

i) Các yếu tố nguy hiểm, có hại, các sự cố có thể xảy ra khi làm việc, cách đề phòng, xử lý khi phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố và khi có sự cố xảy ra.

k) Cấu tạo, tác dụng và cách sử dụng bảo quản các thiết bị kỹ thuật an toàn, các phương tiện bảo vệ cá nhân.

m) Các biện pháp phòng tránh tai nạn do điện gây ra.

n) Công tác phòng cháy và chữa cháy.

p) Các phương pháp y tế để cấp cứu người bị tai nạn khi xảy ra sự cố.

q) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tín hiệu đường sắt, về chạy tàu và công tác dồn đường sắt, về khai thác đường sắt. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn bắt buộc khi thực hiện công việc.

Điều 14. Chế độ sinh hoạt và kiểm tra

1. Hàng ngày, An toàn vệ sinh viên phải tham gia đầy đủ các sinh hoạt của tổ (nhóm) sản xuất theo quy định; phải thường xuyên bám sát hiện trường sản xuất, kịp thời phát hiện các vi phạm về An toàn, vệ sinh lao động và đề xuất các biện pháp giải quyết. Nếu phát hiện cá nhân vi phạm phải nhắc nhở, rút kinh nghiệm; khi cần thiết phải đề xuất hình thức xử lý kịp thời các cá nhân vi phạm và báo cáo kết quả bằng văn bản cho lãnh đạo đơn vị.

2. Hàng tháng, hàng quý An toàn vệ sinh viên được tham gia trong đoàn kiểm tra chấm điểm công tác An toàn, vệ sinh lao động; tham gia bình xét thi đua khen thưởng về công tác An toàn, vệ sinh lao động tại đơn vị cơ sở.

3. Mạng lưới An toàn vệ sinh viên của tổ, đội, phân xưởng hoặc cấp tương đương họp 1 lần/quý, dưới sự chủ trì của tổ chức Công đoàn cùng cấp và có sự tham gia của lãnh đạo chuyên môn đồng cấp. Trong nội dung họp có việc xét chọn An toàn vệ sinh viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đánh giá hiệu quả hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên.

Điều 15. Quyền lợi của An toàn vệ sinh viên

1. Được hưởng phụ cấp trách nhiệm bằng tổ trưởng sản xuất, kể cả các trường hợp tổ (nhóm) sản xuất đặc biệt có số lượng nhiều hơn 01 An toàn vệ sinh viên. Trong quyết định thành lập hoặc bổ sung, thay đổi An toàn vệ sinh viên phải nêu rõ nội dung này.

Hàng năm, đơn vị lập kinh phí phụ cấp trách nhiệm của An toàn vệ sinh viên trong kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động của đơn vị trình Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt. Nguồn kinh phí này là một phần để thực hiện công tác An toàn, vệ sinh lao động, được hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên hoặc chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị và là chi phí hợp lý khi tính thuế, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Mỗi tháng được cấp 01 bút viết; mỗi năm được cấp phát 01 sổ công tác, 01 băng tay "AN TOÀN VỆ SINH VIÊN" và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3. Hàng năm, các đơn vị bình xét an toàn vệ sinh viên xuất sắc để khen thưởng theo quy chế của đơn vị và đề xuất Tổng công ty Đường sắt Việt Nam khen thưởng

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ MẠNG LƯỚI AN TOÀN VỆ SINH VIÊN

Điều 16. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Ra quyết định thành lập mạng lưới An toàn vệ sinh viên trên cơ sở đề xuất của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.

2. Phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức và xây dựng nội dung hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả phụ cấp trách nhiệm cho An toàn vệ sinh viên theo quy định.

4. Tổ chức và chi phí việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho An toàn vệ sinh viên.

5. Cung cấp bút viết, băng chức danh "AN TOÀN VỆ SINH VIÊN" và sổ ghi chép hàng ngày cho An toàn vệ sinh viên.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở

1. Hướng dẫn An toàn vệ sinh viên hoạt động.

2. Thông qua sổ ghi chép hàng ngày của An toàn vệ sinh viên, Ban chấp hành Công đoàn tổng hợp ý kiến người lao động, đánh giá tình hình thực hiện công tác An toàn, vệ sinh lao động tại nơi sản xuất.

3. Tham gia với người sử dụng lao động trong việc xây dựng các quy chế, nội quy quản lý về An toàn, vệ sinh lao động.

4. Theo dõi tình hình hoạt động của An toàn vệ sinh viên, đánh giá hoạt động, chấm điểm, tổ chức bình xét, đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với An toàn vệ sinh viên.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Sáu tháng một lần, các đơn vị báo cáo kết quả hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên kèm theo báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động của đơn vị.

2. Cuối năm (chậm nhất ngày 31/12), Ban chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên cơ sở trực thuộc Công đoàn Đường sắt Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng mạng lưới An toàn vệ sinh viên hoạt động xuất sắc về Công đoàn Đường sắt Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng.

b) Các biên bản tự chấm điểm 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm của Công đoàn cơ sở đối với mạng lưới An toàn vệ sinh viên của đơn vị mình.

Công đoàn Đường sắt Việt Nam kết hợp kết quả kiểm tra, chấm điểm công tác An toàn, vệ sinh lao động của đơn vị, sẽ kiểm tra đánh giá và bình xét theo quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với quy chế này đều bị bãi bỏ./.